

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **975** /TMBG-NĐND
V/v : Mời khảo sát và báo giá thiết bị vật tư hệ thống
nước cấp phục vụ lập dự toán SCL năm 2026

Lạng Sơn, ngày **28** tháng 4 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp quan tâm

Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV xin gửi lời trân trọng và hợp tác đối với các nhà cung cấp quan tâm!

Công ty Nhiệt điện Na Dương –TKV đang có nhu cầu khảo sát giá và báo giá một số thiết bị thuộc công trình sửa chữa TSCĐ năm 2026 của Nhà máy Nhiệt điện Na Dương -TKV cụ thể như sau:

1. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực của nhà cung cấp báo giá

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có) (bản sao công chứng hoặc bản sao có dấu đỏ của doanh nghiệp)

- Báo giá ghi rõ Tên, số điện thoại, email của người cung cấp báo giá

2. Yêu cầu về thiết bị:

- Chi tiết thiết bị: Bao gồm các nội dung tên thiết bị vật tư, thông số kỹ thuật/ quy cách vật tư, số lượng chi tiết như phụ lục đính kèm

- Các thiết bị mới 100% chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ, có mác mã, thông số kỹ thuật rõ ràng, hàng hóa được sản xuất từ năm 2024 đến nay;

+ Thiết bị tương đương với thiết bị đang có của nhà máy NĐ Na Dương.

3. Các yêu cầu về thương mại:

- Tiến độ giao hàng: do nhà cung cấp đề xuất

- Địa điểm giao hàng: Kho nhà máy nhiệt điện Na Dương.

- Hiệu lực của bản chào giá: 60 ngày kể từ ngày phát hành.

- Giá cố định, bao gồm thuế, phí (nếu có) đến nhà máy nhiệt điện Na Dương.

4. Hình thức báo giá:

- Bản báo giá và biểu báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp báo giá ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

- Bản báo giá và các tài liệu kèm theo phải được gửi trong phong bì dán kín ghi nội dung báo giá, có niêm phong và gửi trực tiếp về Phòng Kế hoạch Đầu tư Vật tư – Công ty Nhiệt điện Na Dương – khu 4 thị trấn Na Dương-Lộc Bình- Lạng Sơn: Điện thoại: 02053.844.263.

Đồng thời nhà cung cấp báo giá gửi báo giá chi tiết (bản mềm và bdf) và tài liệu về địa chỉ email: naduong@vinacominpowers.vn và kehoachndpc@gmail.com

Thời hạn kết thúc nhận báo giá: trước ngày 15/5/2025. Các nhà cung cấp có nhu cầu xin file mềm báo giá thì gửi về địa chỉ email nêu trên.

(Ghi chú: Nhà cung cấp báo giá vui lòng cập nhật mẫu biểu như đính kèm công văn không thêm bớt cột, dòng)

Ông Nguyễn Duy Thảo

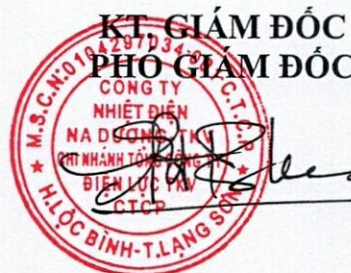
Chức vụ: Phó trưởng phòng KHĐTVT

SĐT: 0986.761.888

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của nhà cung cấp. /s/

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy);
- Các PGĐ, KTT (e-copy);
- Phòng KTAT (e-copy);
- Đăng tải TKV;;
- Lưu: VP, KHĐTVT, VH(04).



Trần Việt Anh

0428
CÔ
NHI
A DƯ
NHÀNH
ĐIỆN
C
C BÌNH

PHỤ LỤC NHU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số 975 /NĐND-KHĐT VT ngày tháng 4 năm 2025

28

Tên gói 12	Cung cấp vật tư hệ thống nước cấp												
STT	Mã hệ thống	Mã thiết bị/Mã vật tư	Mã thành phần	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ, năm sản xuất	Đơn vị	Khối lượng lập	Đơn giá trước thuế	Thành tiền	Tiến độ giao hàng	Ghi chú	
1	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC SC.502115.98	Bearing metal	(P52 - DWG.No. PR020197701/905) Material: FC200/WJ4 Manufactured by EBARA CORPORATION		Bộ	4					
2	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC SC.502115.99	Ball bearing	(P56 - DWG.No. PR020197701/905) Material: FC200/WJ4 Manufactured by EBARA CORPORATION		Bộ	2					
3	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC NC1	Ajust ring	(P045-1 - DWG.No. PR020197701/905) Material: SUS420J1 Manufactured by EBARA CORPORATION		Chiếc	2					
4	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC NC2	Ajust ring	(P045-2 - DWG.No. PR020197701/905) Material: SUS420J1 Manufactured by EBARA CORPORATION		Chiếc	2					
5	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC NC3	Ajust ring	(P045-3 - DWG.No. PR020197701/905) Material: SS400 Manufactured by EBARA CORPORATION		Chiếc	2					
6	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC NC4	Balance disk	(P77 - DWG.No. PR020197701/905) Material: SUS420J2 Manufactured by EBARA CORPORATION		Chiếc	2					
7	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC NC5	Balance seat	(P079-1 - DWG.No. PR020197701/905) Material: HCRFC Manufactured by EBARA CORPORATION		Chiếc	2					
8	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC NC6	Balance bushing	Balance bushing (P086-1 - DWG.No. PR020197701/905) Material: SUS420J2 Manufactured by EBARA CORPORATION		Chiếc	2					
9	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC NC7	Balance piston	Balance piston (P78 - DWG.No. PR020197701/905) Material: SUS420J2 Manufactured by EBARA CORPORATION		Chiếc	2					
10	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC NC8	Inter stage sleeve	(P043-1 - DWG.No. PR020197701/905) Material: SUS420J1 Manufactured by EBARA CORPORATION		Chiếc	22					



11	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC NC9	1st casing wear ring	(P107-1 - DWG.No. PR020197701/905) Material: SUS420J2 Manufactured by EBARA CORPORATION		Chiếc	2				
12	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC NC10	Casing wear ring	(P107-2 - DWG.No. PR020197701/905) Material: SUS420J2 Manufactured by EBARA CORPORATION		Chiếc	22				
13	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC NC11	Inter stage bushing	(P81 - DWG.No. PR020197701/905) Material: SUS420J2 Manufactured by EBARA CORPORATION		Chiếc	22				
14	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC SC.439121.76	O-ring/ms-14 (mech.seal)/mir30	(P115-01 - DWG.No. PR020197701/905) Material: FKM Manufactured by EBARA CORPORATION		Vòng	4				
15	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC SC.439121.77	O-ring/ms-10 (mech.seal)/mir30	(P115-02 - DWG.No. PR020197701/905) Material: FKM Manufactured by EBARA CORPORATION		Vòng	4				
16	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC SC.439121.78	O-ring/for stuff.box	(P115-03 - DWG.No. PR020197701/905) Material: EPDM* Manufactured by EBARA CORPORATION		Vòng	4				
17	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC SC.439121.79	O-ring/for last stage guide vane	(P115-04 - DWG.No. PR020197701/905) Material: EPDM* Manufactured by EBARA CORPORATION		Vòng	2				
18	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC SC.439121.80	O-ring/for balance bushing	(P115-05 - DWG.No. PR020197701/905) Material: EPDM* Manufactured by EBARA CORPORATION		Vòng	2				
19	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC SC.439121.81	O-ring/for balance piston	(P115-06 - DWG.No. PR020197701/905) Material: EPDM* Manufactured by EBARA CORPORATION		Vòng	2				
20	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC SC.439121.82	O-ring/for balancing chamber	(P115-07 - DWG.No. PR020197701/905) Material: EPDM* Manufactured by EBARA CORPORATION		Vòng	2				
21	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC SC.439121.83	O-ring/for balance disk	(P115-08 - DWG.No. PR020197701/905) Material: EPDM* Manufactured by EBARA CORPORATION		Vòng	2				
22	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC SC.439121.84	O-ring/for inner stage casing	(P115-09 - DWG.No. PR020197701/905) Material: EPDM* Manufactured by EBARA CORPORATION		Vòng	2				
23	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC SC.517127.27	Mechanical seal cartridge	(P111 - DWG.No. PR020197701/905) Material: Ebara/ Japan Manufactured by EBARA CORPORATION		Bộ	4				



24	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC SC.439121.85	Gasket	(P117 - DWG.No. PR020197701/905) Material: V#6500 Manufactured by EBARA CORPORATION	Cái	2
25	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC NC12	Bearing nut	(P128-3 - DWG.No. PR020197701/905) Material: SS400 Manufactured by EBARA CORPORATION	Cái	2
26	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC SC.517127.29	Washer	(P135-02 - DWG.No. PR020197701/905) Material: SS400 SAW-A297 Manufactured by EBARA CORPORATION	Cái	2
27	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC NC13	Type R Ring Gaskets	ASME B16.20 to be used with RTJ flanges ASME B16.5 (R42 - 19.05x23.9x12.32 CLASS Pressure 2500#)	Cái	2
28	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC SC.439129.17	Spiral Wound Gaskets	(TOMBO 1834R-GR-EEE 8" - class 1500)	Cái	2
29	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC 14	Spiral Wound Gaskets	ASME B16.20 with RF flanges (6" - class 150)	Cái	2
30	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC 15	Spiral Wound Gaskets	ASME B16.20 with RF flanges (3/4" - class 600)	Cái	4
31	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC 16	Spiral Wound Gasket	Style R 61.2x93x4.5	Cái	2
32	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC 17	Spiral Wound Gaskets	ASME B16.20 RF flanges (10" - class 150)	Cái	2
33	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC 18	Spiral Wound Gaskets	ASME B16.20 RF flanges (1" - class 150)	Cái	4
34	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC 19	Spiral Wound Gaskets	ASME B16.20 RF flanges (2" - class 150)	Cái	4
35	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC SC.439121.86	O-ring	28 x 4mm vật liệu NBR	Cái	32
36	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC DN.103101.15	Oil	Preslia 32 Manufactured Total	lít	28
37	PTB.NC1	TB.01.03.11	VTC 20	Vật liệu cách nhiệt	Rockwool 80 kg/m3, độ dày rockwool 50mm; bọc vải bằng sợi thủy tinh phủ silicon; chống thấm nước; chịu nhiệt đến 260°C	kg	160
38	PTB.NC1	TB.01.04.14	VTC SC.439129.85	Gioăng 20K-640x690x4.5mm T (1804-GR-E00)	20K-640x690x4.5mm T (1804-GR-E00)	Cái	2
39	PTB.NC1	TB.01.04.14	VTC NC21	Gioăng Chi Graphite	Kích thước tấm: 1000 x 1000mm; Áp suất hoạt động max 20 Mpa; Nhiệt độ hoạt động max 650 độ C	tấm	1
40	PTB.NC1	ĐI.01.01.09.04	VTC NC22	Bearing	Metal Renk EMWLB 9S-90	Bộ	2
41	PTB.NC1	ĐI.01.01.09.04	VTC NC23	Bearing	Metal Renk EMWLB 9S-80	Bộ	2